

Số: 985/KH-UBND

Kim Trà, ngày 30 tháng 3 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường**  
**đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông**  
**phường Kim Trà giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

Căn cứ kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân phường Kim Trà về phát triển giáo dục và đào tạo phường Kim Trà giai đoạn 2026–2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ tình hình thực tế về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn phường Kim Trà.

Ủy ban nhân dân phường Kim Trà ban hành Kế hoạch công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông phường Kim Trà giai đoạn 2026-2030.

## I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

Duy trì và nâng cao chất lượng công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đưa công tác KĐCLGD và CQG trở thành hoạt động thường xuyên, nền nếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.

Thông qua công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài, giúp các cơ sở giáo dục xác định rõ thực trạng chất lượng giáo dục, điểm mạnh, điểm yếu, từ đó xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục toàn diện.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác KĐCLGD và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc thực hiện các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Phấn đấu từng bước nâng cao tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt quan tâm đến các cơ sở giáo dục mầm non; góp phần hoàn thành các mục tiêu

phát triển giáo dục của địa phương và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

Đến năm 2030, phấn đấu 100% cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Tăng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình; ưu tiên khối mầm non.

100% cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ KĐCLGD.

100% cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm.

## **3. Chỉ tiêu cụ thể theo giai đoạn**

### **Giai đoạn 2026–2027**

Duy trì các trường đã đạt chuẩn

Có ít nhất 2–3 trường được đánh giá ngoài hoặc công nhận lại

### **Giai đoạn 2028**

Trên 90% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia

100% trường hoàn thành tự đánh giá chu kỳ mới

### **Đến năm 2030**

Phấn đấu 100% trường đạt chuẩn quốc gia

100% cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Công tác quản lý, chỉ đạo**

Tăng cường vai trò chỉ đạo của UBND phường, Phòng Văn hóa – Xã hội trong công tác KĐCLGD&CQG; phân công cụ thể cán bộ phụ trách theo dõi từng cấp học, từng đơn vị.

Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể cho từng cơ sở giáo dục theo từng năm và cả giai đoạn; xác định rõ mốc thời gian hoàn thành các tiêu chí, tiêu chuẩn đối với từng trường.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát, đối chiếu với bộ tiêu chuẩn kiểm định để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sát với thực tế, có tính khả thi cao.

Đẩy mạnh công tác tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn; ưu tiên các đơn vị đăng ký đánh giá ngoài, công nhận mới hoặc công nhận lại.

Lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương với mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo từng năm học; rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch phù hợp.

Gắn kết quả KĐCLGD & CQG với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá xếp loại đơn vị, cán bộ quản lý.

Tăng cường công tác phối hợp giữa UBND phường với các cơ quan chuyên môn, các trường học trong triển khai nhiệm vụ; đảm bảo thông tin hai chiều, kịp thời, hiệu quả.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, phụ huynh và cộng đồng về ý nghĩa, vai trò của công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia.

## **2. Công tác chuyên môn**

### **2.1. Công tác tự đánh giá**

100% cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá theo đúng quy trình, chu kỳ quy định; thành lập Hội đồng tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Tổ chức thu thập, xử lý minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn; đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, khoa học và dễ tra cứu.

Xác định rõ điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục có trọng tâm, trọng điểm.

Gắn công tác tự đánh giá với việc xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch phát triển nhà trường và các hoạt động chuyên môn.

Hoàn thiện hệ thống hồ sơ tự đánh giá (báo cáo TĐG, phụ lục minh chứng, kế hoạch cải tiến chất lượng) theo đúng hướng dẫn của ngành.

Thực hiện cập nhật, điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm; theo dõi tiến độ thực hiện các giải pháp đã đề ra.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ tự đánh giá; từng bước số hóa minh chứng.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, hội thảo nội bộ để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và cải tiến chất lượng.

### **2.2. Công tác đánh giá ngoài**

Xây dựng lộ trình đánh giá ngoài cho từng đơn vị đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của từng trường.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài theo quy định; đảm bảo thống nhất giữa báo cáo tự đánh giá và minh chứng thực tế.

Chủ động rà soát, hoàn thiện các tiêu chí còn hạn chế, đặc biệt là các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ và chất lượng giáo dục.

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý cấp trên trong việc tổ chức các đoàn khảo sát sơ bộ, khảo sát chính thức.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, hồ sơ, nhân lực để phục vụ đoàn đánh giá ngoài làm việc tại đơn vị.

Tiếp thu nghiêm túc các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài; xây dựng kế hoạch khắc phục sau đánh giá một cách cụ thể, có lộ trình rõ ràng.

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cải tiến sau đánh giá ngoài nhằm duy trì và nâng cao chất lượng bền vững.

Đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia, tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao các tiêu chí; chuẩn bị điều kiện để công nhận lại theo chu kỳ.

## **3. Phát triển đội ngũ**

Tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ KĐCLGD và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo từng cấp học;

chú trọng nội dung về tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng (theo Kế hoạch của Sở GDĐT).

Xây dựng đội ngũ nòng cốt (cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán) có năng lực tham gia công tác kiểm định tại đơn vị; từng bước hình thành lực lượng hỗ trợ liên trường.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng tự đánh giá; nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của hiệu trưởng trong việc tổ chức thực hiện KĐCLGD & CQG; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thực chất.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và các tiêu chí kiểm định.

Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm tại các đơn vị đã đạt chuẩn quốc gia, có chất lượng kiểm định tốt.

#### **4. Đầu tư cơ sở vật chất**

Rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của từng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn quy định; xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình.

Ưu tiên đầu tư các trường chưa đạt chuẩn quốc gia, các tiêu chí còn thiếu hoặc chưa đạt, đặc biệt là phòng học kiên cố, phòng chức năng, khu hiệu bộ, khu vệ sinh, sân chơi bãi tập.

Từng bước hoàn thiện hệ thống phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi (đối với mầm non) theo hướng hiện đại, đồng bộ.

Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học thông minh phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

Huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục; vận động sự tham gia của phụ huynh, tổ chức, cá nhân trong việc hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Sử dụng hiệu quả, bảo quản tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có; thực hiện kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

Gắn việc đầu tư cơ sở vật chất với tiêu chí xây dựng trường học an toàn, xanh – sạch – đẹp – thân thiện.

#### **5. Ứng dụng công nghệ thông tin**

Ứng dụng phần mềm trong quản lý hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục; từng bước chuẩn hóa quy trình quản lý, lưu trữ hồ sơ.

Số hóa minh chứng, dữ liệu kiểm định; xây dựng kho dữ liệu điện tử phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Tăng cường sử dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục; kết nối dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục với cơ quan quản lý.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác kiểm định, xây dựng trường chuẩn quốc gia; tích hợp với hệ thống quản lý giáo dục của ngành.

Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên phục vụ công tác kiểm định và dạy học.

Khuyến khích các đơn vị xây dựng website, cổng thông tin điện tử để công khai thông tin kiểm định, minh bạch hoạt động giáo dục.

Đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong quá trình số hóa và khai thác hệ thống.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của UBND phường và các cơ sở giáo dục theo quy định.

Nguồn kinh phí xã hội hóa giáo dục: huy động sự tham gia, đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cha mẹ học sinh nhằm hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, cải thiện điều kiện dạy học và thực hiện các tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến phát triển giáo dục, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở vật chất trường học trên địa bàn.

Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Văn hóa – Xã hội**

Tham mưu UBND phường ban hành kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn.

Xây dựng lộ trình cụ thể cho từng cơ sở giáo dục theo từng năm; tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp thực hiện.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí nguồn lực thực hiện kế hoạch.

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện tại các cơ sở giáo dục; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, định kỳ và đột xuất báo cáo UBND phường và cơ quan cấp trên theo quy định.

##### **2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**

Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội tham mưu UBND phường trong việc quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất trường học theo tiêu chuẩn quy định.

Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện các quy định về xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình trường học đảm bảo an toàn, phù hợp tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia.

Tham gia kiểm tra, giám sát việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục.

##### **3. Các phòng, ban, đơn vị liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

Tham mưu UBND phường bố trí kinh phí, nguồn lực; hướng dẫn cơ chế tài chính, xã hội hóa giáo dục theo quy định.

Phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh và nhân dân về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

#### **4. Các cơ sở giáo dục**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của đơn vị phù hợp với lộ trình chung của phường.

Thành lập Hội đồng tự đánh giá; triển khai công tác tự đánh giá theo đúng quy trình, đảm bảo chất lượng, tiến độ.

Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, minh chứng; hoàn thiện các điều kiện phục vụ công tác đánh giá ngoài theo kế hoạch.

Chủ động tham mưu với UBND phường về nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Chịu trách nhiệm trước UBND phường về kết quả thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tại đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục mầm non phổ thông phường Kim Trà giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) tạo để tổng hợp xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- CT, các PCT phường;
- Các đơn vị có tên ở mục V;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Văn Xuân**

**Phụ lục 01. Danh mục và hiện trạng trường đạt chuẩn quốc gia.**

| TT         | Tên trường                             | Cấp học | Tình trạng đạt chuẩn quốc gia |                        |                  |                           |                             |   | Ghi chú  |
|------------|--|---------|-------------------------------|------------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------|---|--|
|            | <i>(ngoài công lập:<sup>(*)</sup>)</i> |         | Còn hạn/hết hạn/chưa đạt      | Năm công nhận gần nhất | Đạt Mức độ (1/2) | Năm đến hạn công nhận lại | Các tiêu chí chưa đạt Mức 2 | Nguy cơ không duy trì chuẩn/không đạt <i>(nếu có)</i> |  |
| <b>I.</b>  | <b>Mầm non</b>                         |         |                               |                        |                  |                           |                             |   |  |
| 1          | MN Hương Xuân                          | MN      | Chưa đạt                      | 0                      | 0                | 0                         |                             | 0   | Chưa kiểm tra  |
| 2          | MN Hương Chũ                           | MN      | Chưa đạt                      | 0                      | 0                | 0                         | 2.2;2.3,3,1;3.2;3.3         | 0   | Thiếu 01 GV  |
| 3          | MN Hương Toàn                          | MN      | Chưa đạt                      | 0                      | 0                | 0                         | 2.1;2.2;2.3;3,1;3.2;3.3     | 0   | Thiếu 01 GV, thiếu CSVC như phòng bảo vệ, phòng nghệ thuật, phòng chức năng, các phòng phụ trợ...                    |
| <b>II.</b> | <b>Tiểu học</b>                        |         |                               |                        |                  |                           |                             |   |  |
| 1          | TH Số 1 Hương Xuân                     | TH      | Còn hạn                       | 2024                   | 1                | 2029                      | 0                           |   |  |
| 2          | TH Số 2 Hương Xuân                     | TH      | Hết hạn                       | 2015                   | 1                | 2020                      | 2.2, 3.2,3.3, 3. 4          | x   | Thiếu 2 giáo viên, Thiếu phòng học, phòng Hội họp, thiếu 4 phòng chức năng, nhà VS xuống cấp, tường rào phía sau tạm |
| 3          | TH Số 1 Hương Chũ                      | TH      | Còn hạn                       | 2023                   | 1                | 2028                      |                             |   |  |
| 4          | TH Số 2 Hương Chũ                      | TH      | Hết hạn                       | 2013                   | 1                | 2018                      | 2.1                         | x   | <u>Thiếu Phó hiệu trưởng</u>   |

|             |                         |      |         |      |   |      |          |   |   |
|-------------|-------------------------|------|---------|------|---|------|----------|---|---|
| 5           | TH Số 1 Hương Toàn      | TH   | Còn hạn | 2024 |   | 2029 | 2.1      | x | <u>Thiếu Phó hiệu trưởng</u>  |
| 6           | TH Số 2 Hương Toàn      | TH   | Còn hạn | 2021 | 1 | 2026 | 3.2      | x | <i>Thiếu 4 phòng bộ môn, 3 phòng hỗ trợ (phòng Truyền thống Đội, phòng Tư vấn, phòng TBGD) 1 phòng phụ trợ (phòng họp GV); 1 phòng bảo vệ</i> |
| 7           | TH Số 3 Hương Toàn      | TH   | Hết hạn | 2014 | 1 | 2019 | 3.2,3.3  | x |   |
| <b>III.</b> | <b>THCS</b>             |      |         |      |   |      |          |   |   |
| 1           | THCS Nguyễn Khánh Toàn  | THCS | Hết hạn | 2011 | 1 | 2016 |          | x |   |
| 2           | THCS Lê Quang Tiến      | THCS | Hết hạn | 2017 | 1 | 2022 | 3.2, 3.4 | x |   |
| 3           | THCS Nguyễn Xuân Thưởng | THCS | Còn hạn | 2023 | 1 | 2028 | 0        | x |   |

**Phụ lục 02. Chỉ tiêu và lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2026-2030.**

| TT | Tên trường                      | Cấp học  | Nội dung đăng ký |               |            |                              | Ghi chú |
|----|---------------------------------|----------|------------------|---------------|------------|------------------------------|---------|
|    |                                 |          | Công nhận mới    | Công nhận lại | Nâng chuẩn | Năm thực hiện<br>(2026-2030) |         |
|    |                                 |          | (Mức độ)         | (Mức độ)      |            |                              |         |
| 1  | Mầm non Hương Xuân              | Mầm non  | 1                |               | 0          | 2026                         |         |
| 2  | MN Hương Chũ                    | Mầm Non  | 1                |               | 0          | 2028                         |         |
| 3  | MN Hương Toàn                   | Mầm non  | 1                |               | 0          | 2030                         |         |
| 4  | THCS Nguyễn Khánh Toàn          | THCS     |                  | 1             | 0          | 2030                         |         |
| 5  | THCS Nguyễn Xuân Thương         | THCS     |                  | 1             | 0          | 2028                         |         |
| 6  | Trường THCS Lê Quang Tiến       | THCS     |                  | 1             | 0          | 2028                         |         |
| 7  | Trường Tiểu học Số 1 Hương Xuân | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2029                         |         |
| 8  | Trường Tiểu học Số 2 Hương Xuân | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2028                         |         |
| 9  | Tiểu học Số 1 Hương Chũ         | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2028                         |         |
| 10 | Tiểu học Số 2 Hương Chũ         | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2026                         |         |
| 11 | Trường Tiểu học Số 1 Hương Toàn | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2029                         |         |
| 12 | Trường Tiểu học Số 2 Hương Toàn | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2028                         |         |
| 13 | Trường Tiểu học Số 3 Hương Toàn | Tiểu học |                  | 1             | 0          | 2029                         |         |
|    | <b>Toàn phường</b>              |          | <b>3</b>         | <b>10</b>     | <b>0</b>   |                              |         |

## Phụ lục 03a

**BÁO CÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BỔ SUNG ĐÁP ỨNG XÂY DỰNG TRƯỜNG  
MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA 2026-2030**

| STT | Đơn vị           | Nhu cầu xây dựng 2026-2030                          |   |                          |                                       |   |                        |   |                  | Ghi chú                 |
|-----|------------------|---|---|--------------------------|---------------------------------------|---|------------------------|---|------------------|-------------------------|
|     |                  | Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (Phòng) | Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật, thư viện (Phòng) | Nhà bếp, kho bếp (Phòng) | Các phòng hành chính quản trị (Phòng) | Các phòng phụ trợ: họp, y tế, kho (Phòng) | Nhà WC giáo viên (Nhà) | Khác: Hàng rào, sân vườn, nhà để xe... (Hạng mục) | Dự toán kinh phí |                         |
| 1   | MN Hương Xuân    | 2   | 3   | 0                        | 4                                     | 2   | 1                      | 1 nhà xe  | 8 Tỷ             | Cải tạo nhà xe Tây Xuân |
| 2   | MN Hương Chũ     | 9   | 2   | 2                        | 3                                     | 1   | 3                      | 1 nhà xe và 1 sân vườn                            | 23,2 Tỷ          |                         |
| 3   | MN Hương Toàn    | 7   | 3   | 2                        | 3                                     | 4   | 2                      | 1 nhà xe và 1 sân vườn                            | 22,4 Tỷ          |                         |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>18</b>   | <b>8</b>  | <b>4</b>                 | <b>10</b>                             | <b>7</b>                                  | <b>6</b>               |   | <b>53,6 Tỷ</b>   |                         |

**Phụ lục số 03b. BÁO CÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BỔ SUNG ĐÁP ỨNG XÂY DỰNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA 2026-2030**

| STT | Đơn vị             | Nhu cầu xây dựng 2026-2030 |  |   |                                  |                                    |                                |                  |                                 |                                       |                                  |                        |              |           |   | Ghi chú        |                  |
|-----|--------------------|----------------------------|--|---|----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------|-----------|---|----------------|------------------|
|     |                    | Phòng học (Phòng)          | Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật (Phòng) | Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ (Phòng) | Phòng học bộ môn Tin học (Phòng) | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (Phòng) | Phòng học đa chức năng (Phòng) | Thư viện (Phòng) | Phòng thiết bị giáo dục (Phòng) | Các phòng hành chính quản trị (Phòng) | Các phòng hỗ trợ học tập (Phòng) | Nhà đa chức năng (Nhà) | Nhà WC (Nhà) |           | Khác: Hàng rào, sân vườn, nhà để xe, ... (Hạng mục) |                | Dự toán kinh phí |
|     |                    |                            |  |   |                                  |                                    |                                |                  |                                 |                                       |                                  |                        | Học sinh     | Giáo viên |   |                |                  |
| 1   | TH Số 1 Hương Xuân | 0                          | 0  | 0   | 0                                | 0                                  | 0                              | 0                | 0                               | 0                                     | 0                                | 1                      | 0            | 0         | Tường rào   | 2 tỉ           |                  |
| 2   | TH Số 2 Hương Xuân | 1                          | 1  | 1   | 0                                | 1                                  | 1                              | 0                | 1                               | 4                                     | 1                                | 0                      | 2            | 2         | Tường rào   | 10 tỉ          |                  |
| 3   | TH Số 1 Hương Chũ  | 0                          | 1  | 1   | 0                                | 0                                  | 1                              | 0                | 0                               | 0                                     | 0                                | 1                      | 0            | 0         | Sơn tường rào, làm sân bóng, sân chơi, vườn trường  | 6,4 tỷ         |                  |
| 4   | TH Số 2 Hương Chũ  | 2                          | 2  | 1   | 0                                | 0                                  | 1                              | 0                | 0                               | 0                                     | 0                                | 1                      | 1            | 1         | Sân TDTT  | 7 tỉ           |                  |
| 5   | TH Số 1 Hương Toàn | 0                          | 0  | 0   | 0                                | 0                                  | 0                              | 0                | 0                               | 0                                     | 0                                | 1                      | 0            | 0         | 0   | 2 tỷ           |                  |
| 6   | TH Số 2 Hương Toàn | 0                          | 1  | 1   | 1                                | 1                                  | 1                              | 0                | 0                               | 1                                     | 2                                | 1                      | 0            | 0         | Sân TDTT  | 7 tỉ           |                  |
| 7   | TH Số 3 Hương Toàn | 0                          | 1  | 1   | 0                                | 1                                  | 1                              | 0                | 1                               | 1                                     | 1                                | 1                      | 0            | 0         |   | 7 tỉ           |                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>3</b>                   | <b>6</b>                                   | <b>5</b>                                      | <b>1</b>                         | <b>3</b>                           | <b>5</b>                       | <b>0</b>         | <b>2</b>                        | <b>6</b>                              | <b>4</b>                         | <b>6</b>               | <b>3</b>     | <b>3</b>  |   | <b>39,4 tỷ</b> |                  |

*Tổng danh sách có 07 đơn vị./.*

**Phụ lục số 03c. BÁO CÁO NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT BỔ SUNG ĐÁP ỨNG XÂY DỰNG TRƯỜNG THCS ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA 2026-2030**

| ST T             | Đơn vị                 | Nhu cầu xây dựng 2026-2030 |                                  |                                   |                                    |  |  |                                  |                                    |                                |                  |                                 |                                       |                                  |                        |              |           | Dự toán kinh phí |   |
|------------------|------------------------|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|--|----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|------------------|---------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------|-----------|------------------|---|
|                  |                        | Phòng học                  | Phòng học bộ môn Âm nhạc (Phòng) | Phòng học bộ môn Mỹ thuật (Phòng) | Phòng học bộ môn Công nghệ (Phòng) | Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên (Phòng) | Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (Phòng) | Phòng học bộ môn Tin học (Phòng) | Phòng học bộ môn Ngoại ngữ (Phòng) | Phòng học đa chức năng (Phòng) | Thư viện (Phòng) | Phòng thiết bị giáo dục (Phòng) | Các phòng hành chính quản trị (Phòng) | Các phòng hỗ trợ học tập (Phòng) | Nhà đa chức năng (Nhà) | Nhà WC (Nhà) |           |                  | Khác: Hàng rào, sân vườn, nhà để xe, ... (Hạng mục) |
|                  |                        |                            |                                  |                                   |                                    |  |  |                                  |                                    |                                |                  |                                 |                                       |                                  |                        | Học sinh     | Giáo viên |                  |   |
| 1                | THCS Nguyễn Khánh Toàn | 0                          | 1                                | 1                                 | 1                                  | 1  | 1  | 1                                | 1                                  | 1                              | 0                | 0                               | 0                                     | 0                                | 1                      | 1            | 0         | Nhà để xe        | 10 tỉ   |
| 2                | THCS Lê Quang Tiến     | 0                          | 0                                | 0                                 | 0                                  | 0  | 0  | 0                                | 0                                  | 1                              | 0                | 0                               | 0                                     | 1                                | 0                      | 0            | 0         | Tường rào        | 7 tỉ  |
| 3                | THCS Nguyễn Xuân Thuận | 0                          | 1                                | 1                                 | 0                                  | 1  | 1  | 0                                | 1                                  | 1                              | 0                | 1                               | 0                                     | 1                                | 1                      | 1            | 0         | Tường rào        | 12 tỉ   |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>0</b>                   | <b>1</b>                         | <b>1</b>                          | <b>0</b>                           | <b>1</b>                                   | <b>1</b>                                 | <b>0</b>                         | <b>1</b>                           | <b>2</b>                       | <b>0</b>         | <b>1</b>                        | <b>0</b>                              | <b>2</b>                         | <b>1</b>               | <b>1</b>     | <b>0</b>  |                  | <b>29 tỉ</b>  |

Tổng danh sách có 03 đơn vị./.

**Phụ lục 04. Tổng hợp kết quả trường đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2030.**

| TT | Cấp học                 | Tổng số trường |           | Ngoài công lập | Số trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 |               |            |           |            | Ghi chú (Tỷ lệ đạt Mức độ 2) |
|----|-------------------------|----------------|-----------|----------------|---|---------------|------------|-----------|------------|------------------------------|
|    |                         | Hiện nay 2026  | Năm 2030  |                | Công nhận lần đầu                         | Công nhận lại | Nâng chuẩn | Tổng cộng | Tỷ lệ (%)  |                              |
|    | <b>Mầm non</b>          | <b>0</b>       | <b>3</b>  | <b>0</b>       | <b>3</b>                                  | <b>0</b>      | <b>0</b>   | <b>3</b>  |            | <b>0</b>                     |
| 1  | MN Hương Xuân           |                | 1         |                | 1   |               |            | 1         | 100        |                              |
| 2  | MN Hương Chũ            |                | 1         |                | 1   |               |            | 1         | 100        |                              |
| 3  | MN Hương Toàn           |                | 1         |                | 1   |               |            | 1         | 100        |                              |
|    | <b>Tiểu học</b>         | <b>7</b>       | <b>6</b>  | <b>0</b>       | <b>0</b>                                  | <b>7</b>      | <b>0</b>   | <b>7</b>  |            | <b>0</b>                     |
| 1  | TH Số 1 Hương Xuân      | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 2  | TH Số 2 Hương Xuân      | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 3  | TH Số 1 Hương Chũ       | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 4  | TH Số 2 Hương Chũ       | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 5  | TH Số 1 Hương Toàn      | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 6  | TH Số 2 Hương Toàn      | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 7  | TH Số 3 Hương Toàn      | 1              |           |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
|    | <b>THCS</b>             | <b>3</b>       | <b>2</b>  | <b>0</b>       | <b>0</b>                                  | <b>3</b>      | <b>0</b>   | <b>3</b>  |            | <b>0</b>                     |
| 1  | THCS Nguyễn Khánh Toàn  | 1              |           |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 2  | THCS Lê Quang Tiến      | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
| 3  | THCS Nguyễn Xuân Thương | 1              | 1         |                |   | 1             |            | 1         | 100        |                              |
|    | <b>Tổng cộng</b>        | <b>10</b>      | <b>11</b> | <b>0</b>       | <b>3</b>                                  | <b>10</b>     | <b>0</b>   | <b>13</b> | <b>100</b> | <b>0</b>                     |